THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giảm xuống ngưỡng 1,625 (tương đương với Fibonacci 0.236) và bật lên mạnh mẽ. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,680.50 điểm, tăng gần 28 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bán lẻ. Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí giảm nhẹ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này quay trở lại mua ròng hơn 1.5 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Dòng tiền đang có xu hướng luân chuyển qua các ngành để tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn, đồng thời biên độ dao động lớn, cho thấy tâm lý thị trường chưa ổn định. Nhà đầu tư nên chú trọng theo dõi thị trường trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Tất cả hợp đồng tương lai đều tăng.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 28/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

• VN-Index +27.96 điểm, đóng cửa tại 1680.5 điểm. HNX-Index +1.42 điểm, đóng cửa tại 266.78 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: VIC (+5.39), VPB (+2.10), VJC (+1.71), FPT (+1.65), TCB (+1.53).
• Kéo chỉ số giảm: TCX (-0.86), VPL (-0.39), BSR (-0.24), NVL (-0.17), HT1 (-0.05).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 27,697 tỷ đồng, giảm -0.57% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 29,712 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 58.98 điểm. Thị trường có 219 mã tăng, 55 mã tham chiếu, 94 mã giảm.
• Giá trị mua ròng của khối ngoại: 1521.38 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FPT (1241.83 tỷ), VRE (239.23 tỷ), VPB (143.20 tỷ), GEX (91.83 tỷ), CII (91.74 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -76.76 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

• BSC30 1.95%. Các mã diễn biến tích cực:
PDR (+4.31%) *(Link báo cáo)*
FPT (+4.29%) *(Link báo cáo)*
VIB (+4.07%) *(Link báo cáo)*
• BSC50 1.72%. Các mã diễn biến tích cực:
CTD (+7.00%) *(Link báo cáo)*
HAH (+6.96%) *(Link báo cáo)*
VJC (+6.96%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.95%	1.72%	1.69%	2.55%
1 tuần	1.38%	1.06%	1.03%	1.74%
1 tháng	-3.25%	-4.58%	1.19%	5.22%
3 tháng	3.82%	2.44%	11.47%	19.53%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,680.50	266.78	110.96
% 1D	1.69%	0.54%	-0.25%
GTKL (tỷ VND)	27,697	2,251	503
%1D	-0.57%	5.68%	-22.70%
GDNN (tỷ VND)	1521.38	-76.76	10.73

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	1,241.83	MBB	-396.21
VRE	239.23	SSI	-102.37
VPB	143.20	PDR	-67.52
GEX	91.83	HCM	-58.06
CII	91.74	VND	-44.92

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,875	1.23%	2.08%
FTSE100	9,661	0.07%	2.48%
Eurostoxx	5,696	-0.29%	0.16%
Shanghai	3,988	-0.22%	1.84%
Nikkei	50,219	-0.58%	2.18%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.33	-1.09%
Giá vàng	3,905	-2.77%
Tỷ giá		
USD/VND	26,349	-0.01%
EUR/VND	31,456	0.13%
JPY/VND	177	0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.9%	0.00%
LS LNH 1M	5.4%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50

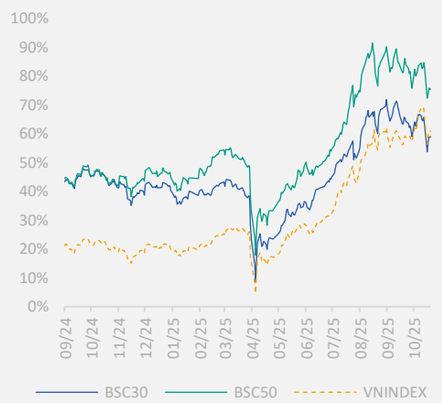

Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	220.10	2.85%	5.39	3.88
VPB	29.45	4.06%	2.10	7.93
VJC	187.50	6.96%	1.71	0.59
FPT	102.20	4.29%	1.65	1.70
TCB	36.00	2.71%	1.53	7.09

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCX	43.90	-3.83%	-0.86	2.31
VPL	80.00	-1.23%	-0.39	1.79
BSR	26.00	-1.33%	-0.24	3.10
NVL	13.40	-2.90%	-0.17	1.95
HT1	17.10	-3.12%	-0.05	0.38

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	23.90	3.91%	0.50	0.89
HUT	16.80	4.35%	0.46	1.07
MBS	30.10	2.73%	0.28	0.57
IDC	36.90	2.22%	0.18	0.38
NTP	65.90	2.17%	0.14	0.17

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BAB	12.20	-6.15%	-0.43	0.96
CEO	27.10	-2.52%	-0.23	0.57
NVB	14.80	-1.33%	-0.14	1.17
VIF	15.50	-3.13%	-0.10	0.35
DHT	78.20	-2.49%	-0.10	0.08

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTD	93.30	7.00%		2.10
DAT	8.27	6.99%		0.00
HAH	59.90	6.96%		4.49
VJC	187.50	6.96%		3.75
ICT	19.25	6.94%		0.78

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HRC	30.50	-6.87%		0.00
DXV	3.87	-6.75%		0.02
VAF	17.60	-6.38%		0.00
BBC	84.50	-6.11%		0.00
HVX	2.90	-5.54%		0.04

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMC	131.30	9.97%	0.43	0.00
SDU	19.90	9.94%	0.14	0.00
MKV	14.70	9.70%	0.03	0.02
PRC	18.10	9.70%	0.02	0.02
QHD	28.30	9.69%	0.06	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KKC	6.40	-9.86%	-0.01	0.00
UNI	9.20	-9.80%	-0.14	0.00
TJC	15.00	-9.64%	-0.04	0.00
VCM	10.00	-7.41%	-0.03	0.01
BAB	12.20	-6.15%	-2.68	0.01

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

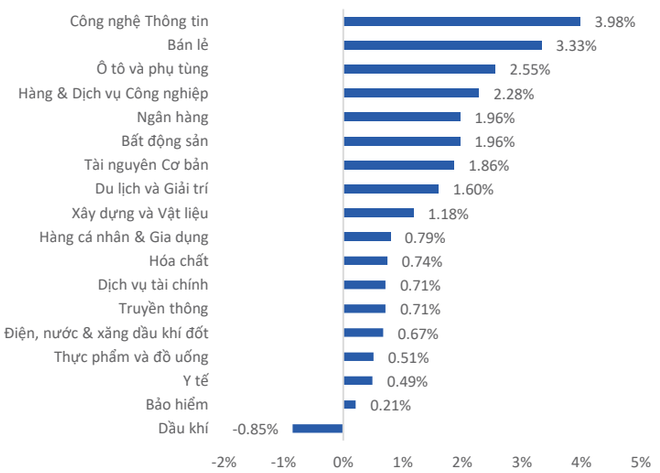

Hình 2
Giao dịch khối ngoại

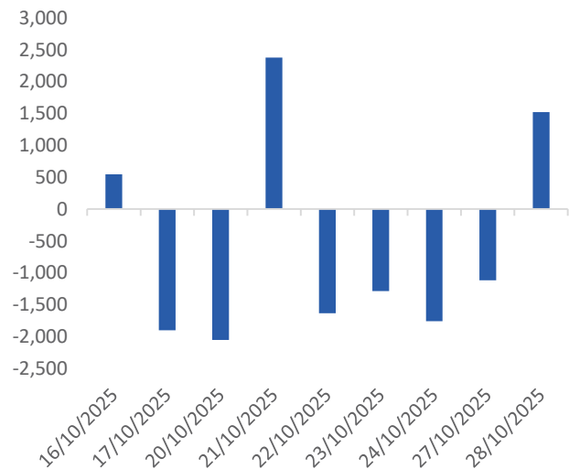

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	84.2	4.0%	1.3	119,755	681.3	3,955	20.5	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	34.7	0.7%	1.2	32,443	173.3	1,835	18.8	46,000	10.5%	Link
KDH	Bất động sản	33.5	3.1%	1.2	36,472	204.7	716	45.4	39,900	26.9%	Link
PDR	Bất động sản	23.0	4.3%	1.5	21,605	545.9	177	124.8	28,200	10.1%	Link
VHM	Bất động sản	107.0	0.5%	1.2	437,439	1456.8	6,984	15.3	92,000	9.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	102.2	4.3%	0.8	166,944	2748.3	5,280	18.6	118,700	36.7%	Link
BSR	Dầu khí	26.0	-1.3%	0.0	81,698	333.1	(16)		23,200	0.6%	Link
PVS	Dầu khí	31.5	1.6%	1.4	14,817	137.0	3,040	10.2	42,800	10.0%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	24.0	0.2%	1.3	25,865	431.9	1,456	16.5		36.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	35.9	3.0%	1.3	72,242	1232.2	1,882	18.5		35.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	38.2	2.1%	1.1	27,025	300.0	1,589	23.5		21.6%	
DCM	Hóa chất	34.8	1.2%	1.2	18,211	62.9	3,186	10.8	47,300	4.9%	Link
DGC	Hóa chất	94.0	1.2%	1.3	35,281	151.1	8,296	11.2	109,300	11.9%	Link
ACB	Ngân hàng	25.4	1.6%	0.9	128,416	259.7	3,385	7.4	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	37.1	1.6%	1.0	256,280	103.3	3,683	9.9	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	49.0	0.8%	1.1	260,982	305.8	5,608	8.7	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	32.2	3.5%	1.1	119,559	661.0	3,930	7.9	30,800	16.7%	Link
MBB	Ngân hàng	24.0	0.8%	1.1	191,709	1165.8	3,017	7.9	32,000	21.6%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	0.8%	1.2	37,752	109.1	1,634	7.4	14,000	29.2%	Link
STB	Ngân hàng	56.8	4.0%	0.9	102,933	554.1	6,148	8.9		17.0%	
TCB	Ngân hàng	36.0	2.7%	1.1	248,373	1026.6	3,113	11.3	39,800	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	18.0	2.3%	1.2	46,366	158.6	2,423	7.2	-	24.3%	Link
VCB	Ngân hàng	60.0	1.4%	0.8	494,656	166.9	4,148	14.3	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	19.2	4.1%	0.9	62,804	158.3	2,218	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.5	4.1%	1.1	224,530	769.2	2,603	10.9	35,650	23.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	2.1%	1.1	201,481	760.9	1,750	15.0	34,300	18.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.9	1.5%	1.1	10,308	50.7	751	22.1	23,800	5.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	25.8	1.0%	1.1	9,833	56.2	4,124	6.2	31,700	3.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.0	0.6%	1.2	113,504	612.6	2,196	35.8	92,700	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.4	0.7%	0.7	119,127	118.9	4,101	13.9	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.1	2.56%	1.3	8,637	46.7	2,214	17.6	20.4%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	148.0	1.16%	1.0	24,915	78.8	3,163	46.3	32.0%		Link
BVH	Bảo hiểm	49.9	0.20%	1.2	36,968	8.2	3,278	15.2	27.0%		
DIG	Bất động sản	21.0	2.70%	1.3	16,247	383.4	209	97.6	5.6%		
DXG	Bất động sản	21.0	3.96%	1.2	20,581	344.3	350	57.8	22.1%		Link
HDC	Bất động sản	34.1	3.18%	1.1	5,895	159.3	3,424	9.7	6.6%	25.2%	
HDG	Bất động sản	30.7	1.66%	1.4	11,173	85.6	540	55.9	20.2%		Link
IDC	Bất động sản	36.9	2.22%	1.4	13,700	47.3	3,977	9.1	11.3%		Link
NLG	Bất động sản	36.7	-0.41%	1.2	17,855	119.7	1,695	21.7	46.2%		Link
SIP	Bất động sản	55.0	0.92%	1.1	13,195	56.2	5,215	10.5	3.3%		
SZC	Bất động sản	30.3	0.83%	1.0	5,400	13.0	1,763	17.0	2.7%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	22.0	3.78%	1.4	18,373	153.8	1,095	19.3	12.2%		Link
VIC	Bất động sản	220.1	2.85%	1.3	824,545	1107.0	3,487	61.4	3.8%		
VRE	Bất động sản	36.8	1.94%	1.2	82,031	986.0	1,937	18.6	14.8%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	39.7	0.51%	1.1	8,364	35.4	1,700	23.2	38.4%		Link
PLX	Dầu khí	34.1	-0.29%	0.7	43,391	21.9	1,661	20.6	15.3%		Link
PVD	Dầu khí	20.2	0.50%	1.0	11,145	50.1	1,428	14.0	3.4%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.4	2.76%	1.3	11,937	70.3	1,262	27.3	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.1	2.73%	1.8	19,300	113.2	1,672	17.5	5.4%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.0	1.18%	0.9	143,088	39.5	5,002	11.9	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.9	0.00%	1.0	32,435	61.9	636	21.8	2.6%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.5	1.44%	0.9	33,908	17.2	4,417	14.2	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	187.5	6.96%	0.6	103,709	690.4	3,427	51.2	7.2%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.0	6.25%	1.1	43,315	1106.1	1,736	27.7	9.1%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.5	0.00%	1.0	28,362	135.4	3,822	17.4	42.7%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.9	6.96%	0.7	9,456	263.6	5,700	9.8	6.0%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.3	1.17%	0.9	8,036	25.7	2,306	7.4	8.4%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	116.0	1.31%	0.0	13,944	133.9	3,317	34.5	5.0%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	94.9	1.50%	0.9	31,897	79.2	6,109	15.3	48.8%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.7	0.00%	0.8	3,210	50.7	2,693	10.6	49.1%		
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.4	0.00%	1.4	2,497	11.1	2,884	6.7	17.9%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.7	0.42%	1.1	16,046	76.0	957	24.7	5.3%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.6	0.55%	1.3	109,600	38.5	1,331	20.6	0.3%		
EIB	Ngân hàng	22.9	1.78%	1.1	41,818	325.1	1,783	12.6	4.3%		Link
LPB	Ngân hàng	52.8	1.73%	0.5	155,040	174.7	3,469	15.0	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	0.71%	0.0	24,277	21.5	2,260	6.3	1.4%		Link
OCB	Ngân hàng	13.0	1.17%	1.0	34,220	67.0	1,130	11.4	19.5%		Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.2	3.18%	1.1	7,027	87.1	666	23.6	4.9%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	29.0	0.52%	1.4	7,668	74.7	2,829	10.2	4.4%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.4	-1.42%	0.7	9,668	75.6	1,981	16.1	3.0%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.5	0.00%	0.9	58,292	20.5	3,185	14.3	58.4%		
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.2	1.63%	1.1	12,412	31.2	6,444	8.6	19.1%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	169.8	1.68%	0.6	13,671	21.2	14,639	11.4	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	93.3	7.00%	1.1	8,845	187.0	4,565	19.1	48.9%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	90.5	-0.55%	1.1	10,409	71.0	4,930	18.5	5.5%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.3	1.88%	1.1	4,284	39.2	2,518	16.9	5.4%		
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.6	1.04%	1.2	7,188	83.9	1,077	13.4	9.9%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.4	0.45%	0.9	7,975	27.7	1,189	18.8	12.6%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.0	2.36%	1.0	16,420	136.1	1,195	21.3	6.8%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	47.3	1.18%	1.3	20,960	38.3	3,090	15.1	4.3%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 | Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: **http://www.bsc.com.vn**